Logic vui

Thực hiện: ***Huỳnh Văn Toàn***
Trường Đoàn Lý Tự Trọng.

1. Cờ nước:

a) Hình chữ nhật màu đỏ.
b) Ngôi sao vàng.
c) Họa sĩ Nguyễn Hữu Tiến.
d) Xuất hiện trong những năm kháng chiến chống Mỹ.

2. Cờ Đội:

a) Hình chữ nhật, tua vàng.
b) Hình măng non.
c) Đường kính măng non = ¾ chiều rộng của cờ.
d) Chiều rộng = ⅔ chiều dài.

3. Cờ Đảng:

a) Hình chữ nhật, tua vàng.
b) Búa – lưỡi liềm.
c) Chiều rộng = ⅔ chiều dài.
d) Nền màu đỏ.

4. Cờ mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam:

a) Có 3 màu.
b) Giây phút lịch sử dinh Độc Lập.
c) Lúc $11^h30'$.
d) Màu: Trắng – Đỏ – Vàng.

1. **Bạch Tuyết 7 chú lùn:**

a) Có 7 chú lùn.
b) Có lọ nước thần.
c) Có trái táo độc.
d) Có tấm gương thần.

2. Ông lão đánh cá và con cá vàng:

a) Ông bà lão.
b) Cá chép vàng.
c) Có 1 máng heo.
d) Có 1 lời ước.

3. Ăn khế trả vàng:

a) Có cây khế.
b) Con đại bàng.
c) 2 anh em.
d) Túi 3 gang.

4. Thạch Sanh – Lý Thông:

a) Con chằng tinh.
b) Nàng công chúa.
c) Xảy ra ở Hà Tiên – Kiên Giang.
d) Đánh tan giặc Ô Qua.

1. An Giang:

a) Quê cha đất tổ đ/c chủ tịch nước.

b) Có nhiều cây thốt nốt.

c) Có rất nhiều hòn.

d) Vựa cá Basa số 1.

2. Hậu Giang:

a) Đội quân tóc dài.

b) Quê hương chiếc nón bài thơ.

c) Giáp ranh với Cần Thơ.

d) Mã số xe , điện thoại 071.

3. Kiên Giang:

a) Lấn biển làm nhà.

b) Chợ nổi quê hương nổi tiếng.

c) Có nhiều hòn.

d) Có nhiều núi đá vôi.

4. Tiền Giang:

a) Có rất nhiều gò.

b) Chiếc nôi cải lương.

c) Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Hy Vọng của Pháp.

d) Vựa trái cây số 1.

1. Anh Lý Tự Trọng:

a) "Con đường của Thanh niên... nào khác"

b) được Bá Hồ và Đảng đưa đi học ở Trung Quốc.

c) Anh bị bắt khi tham gia cuộc mit tinh.

d) Cuộc mit tinh kỷ niệm 1 năm ngày thành lập Đảng.

2. Anh Nguyễn Văn Trỗi:

a) Là chiến sĩ biệt động Sài Gòn.

b) Bị xử bắn tại khám Chí Hòa.

c) Hy sinh ngày 20/10/1964.

d) Sự kiện du kích Venezuela.

3. Anh Kim Đồng:

a) Dân tộc Tày (Nùng).

b) Tên khác là Nông Văn Dền.

c) Hy sinh bờ suối Lênin.

d) Người Đội viên Đội Thiếu Niên Tiền Phong đầu tiên.

4. Anh Kpa Klơng:

a) Quê hương Kontum – Tây Nguyên.

b) "Xâu táo" là 2 từ chỉ về anh.

c) Đánh 30 trận, diệt 88 tên địch.

d) Tuổi 13 xin vào du kích.

1. Chị Võ Thị Sáu:

a) Quê hương vùng Đất Đỏ.

b) Nguyễn Thị Sáu.

c) "Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ".

d) Cài nhành hoa lêkima trước lúc hi sinh.

2. Chị Sứ:

a) Sinh ra tại Hòn Đất – Kiên Giang

b) Tên Phan Thị Ràng.

c) Bí thư xứ ủy Nam Kỳ.

d) Được dựng thành phim.

3. Chị Nguyễn Thị Minh Khai:

a) Được Bác Hồ trực tiếp huấn luyện.

b) Quê hương Nghệ An.

c) Nguyễn Hồng Minh.

d) Bị xử bắn tại Hốc Môn.

4. Chị Út Tịch:

a) Có 6 con ngoan.

b) Còn cái lai quần cũng đánh.

c) Quê hương Vĩnh Long.

d) Thính và thường cầm súng.

1. Bánh tét:

a) Hạt nếp nhân đậu.

b) Còn gọi bánh Tày.

c) Chay mặn đầy đủ.

d) Nó có hình vuông.

2. Bánh ít:

a) Có lá.

b) Nhân đậu, nhân dừa.

c) Ăn hoài không no.

d) Đem đi hấp.

3. Bánh bò:

a) Có nước dừa.

b) Bột nếp.

c) Ăn với bánh tiêu.

d) Đem hấp, đem nướng.

4. Bánh tằm:

a) Có nhiều màu.

b) Có dừa.

c) Có muối mè.

d) Bột mì.

1. Con Thỏ:

a) Có 2 tai dài.
b) Bóp mạnh bụng là chết.
c) 4 chân dài bằng nhau.
d) Chuyện vui thỏ và rùa.

2. Con ong:

a) Tổ ong hình tròn.
b) Nó rất chăm chỉ.
c) Nó chích rồi nó chết.
d) Nó cho mật.

3. Con cóc:

a) Là cậu ông trời.
b) Sống dưới nước, trên bờ.
c) Đẻ ra con nòng nọc.
d) Từng kiện Trời.

4. Con ve:

a) Có 2 cánh.
b) Kêu vào mùa hè.
c) Cánh nó có nhiều màu.
d) Xác đem làm thuốc.

1. Món bún riêu:

a) Ăn với rau sống, rau trụng.
b) Cua, gạch tôm.
c) Bún và mì các loại.
d) Gia vị: mắm tôm, chanh...

2. Món Cà ri:

a) Gà, vịt, dê, bò, heo.
b) Bột cà ri.
c) Ăn với bánh mì.
d) Khoai lang, môn, tây.

3. Món bánh xèo:

a) Bột gạo.
b) Tôm, thịt, giá...
c) Đem nướng.
d) Ăn với rau sống, nước mắm.

4. Món cơm chiên:

a) Có dầu, mỡ.
b) Gạo và nếp đem chiên.
c) Gia vị: tỏi, tiêu, bột ngọt...
d) Có màu trắng hoặc đỏ hồng.

1. **Trái bắp:**
   a) Nó có râu.
   b) Hai tên 1 trái.
   c) Bắp giống lấy râu.
   d) Hạt đi thành hàng.

2. **Trái vải:**
   a) Nổi tiếng Hưng Yên.
   b) 4 mùa trong năm.
   c) Dâng xứ nước Tàu.
   d) Sinh tố trái cây.

3. **Trái dưa hấu:**
   a) Chim ăn trước người.
   b) Vợ chồng An Tiêm.
   c) Thời Hùng Vương thứ 5.
   d) Chim ăn quả bay từ hướng Nam.

4. **Trái chuối:**
   a) Đem chưng ngày tết.
   b) Nó có hột.
   c) Mọc từ hoa chuối.
   d) Nó có nhiều quày.